TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long.
Ông Lý Đình Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST ngày 17/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐ-ST ngày 08/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 15/7/1997 (vắng mặt)
HKTT: thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở hiện nay: thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh ngày 20/11/1994 (vắng mặt)
HKTT: thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của Anh A tại Việt Nam: thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Anh, chị có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L,

tỉnh Bắc Giang nơi anh A đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh A làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau một thời gian làm dâu chị và anh A cùng đi lao động tại nước ngoài. Ngày 08/3/2020 chị về nước chờ sinh, về được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh, chị về đoàn tụ nhưng anh, chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 03/2021 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó đến nay chị và anh A không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 06/10/2020. Hiện nay con đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn A là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 17/01/2022 và 28/01/2022 bà Dương Thị B là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn A cho biết Anh A hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Về quan hệ hôn nhân bà cho biết: Chị T, anh A đăng ký kết hôn ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị T về nhà bà làm dâu ngay và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Sau một thời gian làm dâu chị và anh A cùng đi lao động tại nước ngoài. Ngày 08/3/2020 chị T về nước chờ sinh, về được một thời gian vợ chị T cho biết mâu thuẫn với chồng và chuyển về nhà đẻ sinh sống từ tháng 3/2021. Bà có khuyên bảo nhưng anh, chị không thống nhất được với nhau. Chị T, anh A có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 06/10/2020. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng chị T. Tài sản chung, công nợ bà không biết.

Tại phiên tòa, Chị Hoàng Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Hoàng Thị T; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn A và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Văn A không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh A. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh A là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Do Anh A hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài và cháu K dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 06/10/2020 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh A là bà Dương Thị B để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị bà B thông báo cho anh A biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn A. Bà B cho biết anh A vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng Anh A không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh A tại nước ngoài. Vì vậy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày

26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Công văn trả lời số 25666/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 28/10/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định anh A xuất cảnh gần đây nhất ngày 21/6/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh A được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra lời khai của nguyên đơn, mẹ đẻ bị đơn xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh A ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn Trung Hiếu, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. anh A, chị T đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3**]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị T với anh Nguyễn Văn A. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh A chung sống với nhau được một thời gian cùng với gia đình nhà chồng, sau đó anh, chị cùng đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Ngày 08/3/2020 chị T về nước chờ sinh, sau một thời gian về nước do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh A được ly hôn. Anh A không có ý kiến trả lời Tòa án về việc chị T có đơn xin ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh A được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị T và anh A có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 06/10/2020. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị T và do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh A đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh A từ khi đi nước ngoài thì cháu K vẫn do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn

nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị T đề nghị được nuôi con chung. Giao cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở Anh A thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh A về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 06/10/2020 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000257 ngày 27/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn A hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã M, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc